SỞ Y TẾ BẮC NINH
**BỆNH VIỆN SẢN - NHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: KQ2500029466_2503131108

*Bắc Ninh, ngày 13 tháng 3 năm 2025*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh, thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh**

## GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-BVSN ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản: Hóa chất xét nghiệm vi sinh;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-BVSN ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh;

Căn cứ Quyết định số E2500029466_2501241125 ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, E-HSMT Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh, thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Tổ chuyên gia đấu thầu;

Căn cứ Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Tổ chuyên gia đấu thầu;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh thuộc dự toán: Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tổ thẩm định đấu thầu;

Xem xét đề nghị của *Tổ thẩm định đấu thầu,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: *Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh;* thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

***1. Thông tin về gói thầu:***

- Số E-TBMT: IB2500029466
- Tên gói thầu: Gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm vi sinh
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 1.713.933.256 VND
- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 Tháng

***2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:***

| STT | Tên nhà thầu | Mã số thuế | Giá dự thầu (VND) | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND) | Điểm kỹ thuật (nếu có) | Giá đánh giá (nếu có) (VND) | Giá trúng thầu (VND) | Thời gian thực hiện gói thầu | Thời gian thực hiện hợp đồng | Các nội dung khác (nếu có) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Liên danh DEKA - Việt Anh - Nguyễn Hoàng Phát | 0101148323<br>0106251003<br>0101101276 | 1.711.990.790 | 1.711.990.790 | | | 1.711.990.790 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực | |

***3. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:***

Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu được nêu tại Bảng số 01

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Giao Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Nhà thầu trúng thầu, Trưởng các phòng: TCKT, Vật tư - TBYT, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Tài liệu được in từ Hệ thống e-GP tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn*

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3
- Lưu: VT, BMT (Tổ chuyên gia đấu thầu).

**GIÁM ĐỐC**

Signature Not Verified
Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH BẮC NINH
Mã số thuế: 2300862335
Thời gian ký: 13-03-2025 11:17:00

**NGUYỄN HOÀI NAM**

# THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU

***(Đính kèm cùng quyết đinh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng***
***Trường hợp gói thầu không áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp)***

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm | 21341 | VITEK® 2 GN | - | Mỹ | BioMerieux Inc | Thẻ định danh Gram âm sử dụng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men<br>Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa<br>Đạt tiêu chuẩn ISO | Thẻ | 950 | 3822 | 175.350 | 166.582.500 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 2 | Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương | 21342 | VITEK® 2 GP | - | Mỹ | BioMerieux Inc | Thẻ định danh Gram dương sử dụng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động để định danh các vi sinh vật Gram dương<br>Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa<br>Đạt tiêu chuẩn ISO | Thẻ | 850 | 3822 | 175.350 | 149.047.500 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 3 | Thẻ kháng sinh đồ vi | 424541; 423934; 423880; | VITEK® 2 AST-N443; VITEK® 2 AST-N415; | - | Mỹ | BioMerieux Inc | Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm dùng với máy định danh và | Thẻ | 950 | 3822 | 175.350 | 166.582.500 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | khuẩn Gram âm | 424320; 424501; | VITEK® 2 AST-N417; VITEK® 2 AST-N428; VITEK® 2 AST-N439; | | | | kháng<br>sinh đồ tự động để xác định độ nhạy cảm của các trực khuẩn Gram âm hiếu khí.<br>Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO. | | | | | | |
| 4 | Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương | 22226; 421912; 421040; | VITEK® 2 AST-GP67; VITEK® 2 AST-P654; VITEK® 2 AST-ST03; | - | Mỹ | BioMerieux Inc | Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động<br>Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO | Thẻ | 850 | 3822 | 175.350 | 149.047.500 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 5 | Hóa chất kiểm tra máy đo mật độ quang của huyền dịch chứa vi sinh vật | 21255 | DensiCHEK™ Plus Standards Kit | - | Mỹ | Hach Company sản xuất cho BioMerieux Inc/Mỹ | McFarland để kiểm tra hiệu quả đo của máy đo mật độ quang của huyền dịch chứa vi khuẩn. Hộp 4 ống nồng độ 0 (trắng), 0.5, 2, 3. Đóng gói hộp 4 | Hộp | 2 | 3822 | 5.880.000 | 11.760.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | ống.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO | | | | | | |
| 6 | Nước muối để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm dùng cho máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ | 423520 | Saline Solution | - | Pháp | LABORATOIRE AGUETTANT | Nước muối 0.45% dùng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động, pH: 4.5 - 7, Dung tích: chai 500ml | Chai | 40 | 2501 | 462.000 | 18.480.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 7 | Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn | 69285 | UNSENSITIZED TUBES | - | Đức | Greiner Bio-One GmbH do BioMerieux phân phối | Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động | Ống | 4.000 | 3926 | 7.560 | 30.240.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 8 | Đầu côn cỡ 100 - 1000 µL | 30501 | PIPETTE TIPS - 100 - 1000 µL | - | Phần Lan | Thermo Fisher Scientific do hãng BioMerieux phân phối | Đầu côn 100 - 1000 µL | cái | 1.300 | 3926 | 6.156 | 8.002.800 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 9 | Đầu côn cỡ 0,5 - 250µL | 30507 | PIPETTE TIPS 0,5 - 250µL | - | Phần Lan | Thermo Fisher Scientific do hãng | Đầu côn 0,5 - 250µL | cái | 1.440 | 3926 | 5.076 | 7.309.440 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BioMerieux phân phối | | | | | | | |
| 10 | Chai cấy máu cho trẻ em | 410853 | BACT/ALERT PF Plus | - | Mỹ | BioMerieux Inc | Chai môi trường phát hiện vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu<br>- Chai cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu vàng<br>- Chứa ≥ 30ml môi trường và ≥1.6g hạt polyme hấp phụ<br>- Thành phần: tổ hợp của peptones/biological extracts (≥1.85% w/v), anticoagulant (≥0.083% w/v), vitamins và amino acids (≥0.00145% w/v) nguồn carbon (≥0.45% w/v), trace elements (≥0.0005% w/v). Chai chứa khí trường N2, O2, và CO2, trong chân không | Chai | 1.500 | 3822 | 112.350 | 168.525.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | - Có khả năng trung hòa các kháng sinh: penicillins, glycylcyclines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cefazolin, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones<br>- Sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT<br>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485, CE-IVD, FDA Mỹ... | | | | | | |
| 11 | Bộ chuẩn máy cấy máu | 421931 | Bact/Alert Reflectance Standards | - | Mỹ | BioMerieux Inc | Bộ dụng cụ chuẩn máy cấy máu tự động | Bộ | 1 | 9027 | 15.552.000 | 15.552.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 12 | Bộ nhuộm Gram | B250900 | MELAB Color Gram Set | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Bộ nhuộm Gram Dùng để nhuộm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm | Bộ | 9 | 3822 | 750.750 | 6.756.750 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | theo phương pháp nhuộm Gram.Bao gồm các dung dịch thuốc nhuộm thành phần là: Crystal Violet, Lugol, Decolor (alcoholacetone) và Safranin.<br>- Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485. | | | | | | |
| 13 | Môi trường thạch bổ sung máu cừu | P901460 | MELAB Columbia Agar + 5% Sheep Blood | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, máu cừu, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C | Đĩa | 9.200 | 3821 | 17.640 | 162.288.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Môi trường thạch Chocolate bổ sung yếu tố tăng sinh Vitox | P901467 | MELAB Chocolate Sheep Blood Agar + MultiVitox | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt là Neisseria spp. và Haemophilus. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitox, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C | Đĩa | 7.900 | 3821 | 26.460 | 209.034.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 15 | Môi trường tạo màu phát hiện nhiễm khuẩn đường tiết niệu | P901520 | MELAB Chromogenic UTI Agar | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch đổ sẵn màu trắng đục chứa môi trường tạo màu được sử dụng để định danh sơ bộ và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm. | Đĩa | 350 | 3821 | 27.300 | 9.555.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ±0.2 ở 25°C; | | | | | | |
| 16 | Môi trường nuôi cấy và phân biệt các loại nấm bổ sung Chloramphenicol | P901556 | MELAB Sabouraud Dextrose Chloramphenicol Agar | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập chọn lọc cho nấm men, nấm mốc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Chloramphenicol, Agar, pH 5.6±0.2 ở 25°C | Đĩa | 400 | 3821 | 18.900 | 7.560.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 17 | Môi trường phân lập và phân biệt các vi khuẩn Enterobacteriaceae | P901402 | MELAB MacConkey Agar | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriacea | Đĩa | 300 | 3821 | 15.960 | 4.788.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | e trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng.<br>Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.<br>Thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1±0.2 ở 25°C. | | | | | | |
| 18 | Môi trường phân lập một số Shigella và Salmonella | P901405 | MELABSS Agar | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để phân lập một số Shigella và Salmonella từ các mẫu bệnh phẩm.<br>Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.<br>Thành phần: Beef extract, Peptone, Lactose, Sodium thiosulphate, Amonium ferric citrate, Bile salts, Trisodium citrate, Neutral red, Agar, | Đĩa | 350 | 3821 | 16.800 | 5.880.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | pH: 7.4±0.2 ở 25°C | | | | | | |
| 19 | Môi trường kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của Moraxella | P901496 | MELAB Mueller Hinton Agar + 5% Horse Blood + NAD | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường dùng cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn khó mọc, thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh (EUCAST). Đĩa 90mm, Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Casein hydrolysate, Beef dehydrated infusion, Starch, Agar; Defibrinated Horse Blood; NAD; Agar; pH 7.3 ± 0.2 ở 25°C; | Đĩa | 300 | 3821 | 29.400 | 8.820.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 20 | Môi trường kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với Haemophilus | P901498 | MELAB Haemophilus Test Medium | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Môi trường thường dùng để kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với Haemophilus species. Đĩa | Đĩa | 650 | 3821 | 31.500 | 20.475.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Yeast Extract, Starch, Hematin, NAD, agar, pH 7.3 ± 0.2. | | | | | | |
| 21 | Môi trường lỏng tăng sinh chọn lọc cho liên cầu phế cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B | T510762 | MELAB Todd Hewitt Broth + Antibiotics | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Ống nhựa chứa 5ml môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho vi khuẩn Streptococcus agalactiae (GBS). Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8±0.2 ở 25°C | Ống | 2.000 | 3821 | 21.000 | 42.000.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Môi trường tạo màu chọn lọc để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B | P901529 | MELAB Chromogenic Strepto B Agar | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar; pH: 7.3±0.2 ở 25°C. | Đĩa | 2.000 | 3821 | 46.200 | 92.400.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 23 | Môi trường nuôi cấy đa năng không chọn lọc, có thể bổ sung thêm máu | DM100D | Blood agar base | - | Anh | MAST GROUP LIMITED | Môi trường mục đích chung phát hiện các phản ứng tan huyết đặc trưng khi môi trường được bổ sung với máu vô trùng khử fibrin. Thành phần bao gồm: Peptone mixture, Yeast extract, D-Glucose, NaCl, | Gam | 500 | 3821 | 4.095 | 2.047.500 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Agar. pH 7.3 ±0.2. Đạt tiêu chuẩn ISO | | | | | | |
| 24 | Môi trường chọn lọc cho nuôi cấy nấm bổ sung chloramphenicol | 51021 | Sabouraud Chloramphenicol 2 agar (SAB CHL 2 -D) | - | Pháp | BioMerieux S.A | Môi trường chọn lọc cho nuôi cấy nấm men và nấm sợi từ bệnh phẩm có nhiều vi sinh vật. Thành phần bao gồm: Casein peptone (bovine), Gelatin peptone (bovine or porcine), Dextrose, Chloramphenicol, Agar, Nước tinh khiết, pH 6.2. Đạt tiêu chuẩn ISO | Gam | 500 | 3821 | 5.040 | 2.520.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 25 | Môi trường tạo màu để xác định các tác nhân chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu | CM0949C | Brilliance ™ UTI Agar | - | Vương Quốc Anh | Oxoid Limited | Môi trường nuôi cấy sinh màu để định danh và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu (UTIs). Môi trường dạng bột, màu rơm Thành phần (g/l): Peptone 15.0, Chromogenic mix | Gam | 500 | 3821 | 9.275 | 4.637.500 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 26.3 , Agar 15.0<br>pH: 6.8 ± 0.2 tại 25°C<br>Bảo quản: 10-30°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485<br>- Đóng gói: hộp/400g | | | | | | |
| 26 | Khoanh giấy tẩm Optochin (ethylhydrocuprein hydrochloride) | DD0001B | Khoanh giấy Optochin | - | Vương Quốc Anh | Oxoid Limited | - Khoanh giấy Optochin 5µg (ethylhydrocuprein hydrochloride) được sử dụng cho phân biệt Streptococcus pneumoniae<br>- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ<br>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | Khoanh | 200 | 3822 | 4.320 | 864.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | - Đóng gói: hộp (5x50 khoanh) | | | | | | |
| 27 | Khoanh giấy làm kháng sinh đồ | CTxxxxB | Khoanh giấy kháng sinh các loại | - | Vương Quốc Anh | Oxoid Limited | - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ<br>- Khoanh giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ xác định<br>- Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ<br>- Đóng gói: Hộp 5x50 khoanh Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | Khoanh | 7.000 | 3822 | 2.100 | 14.700.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 28 | Ống nghiệm thon đáy | 9202 | Tubes and caps for controls (20) | - | Pháp | Sebia | Ống và nắp để phân tích chất hiệu chuẩn, mẫu máu kiểm soát và các mẫu có dung | cái | 100 | 3926 | 125.000 | 12.500.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | tích nhỏ dùng trong xét nghiệm điện di mao quản. Gồm: ống và nắp | | | | | | |
| 29 | Môi trường thạch máu nuôi cấy | CM0055B | Blood Agar Base | - | Vương Quốc Anh | Oxoid Limited | Môi trường đa năng không chọn lọc được dùng để tăng sinh các vi khuẩn gây bệnh và không gây bệnh. Có thể bổ sung máu hoặc huyết thanh. Khi không bổ sung yếu tố nào, môi trường có thể được dùng để duy trì chủng chuẩn trong thời gian ngắn.<br>Khi bổ sung huyết thanh và yếu tố tăng trưởng, môi trường có thể được dùng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc.<br>Khi bổ sung máu, môi trường có thể được dùng để xác định các phản ứng tan huyết vốn | Hộp | 8 | 3821 | 1.850.000 | 14.800.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | là tiêu chí chẩn đoán quan trọng cho nhiều loài vi sinh vật.<br>Môi trường dạng bột, màu rơm<br>Thành phần (g/l): 'Lab-lemco' powder 10.0, Peptone Neutralised 10.0, Sodium chloride 5.0, agar 15.0<br>pH: 7.3 ± 0.2<br>Bảo quản: 10-30°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485<br>- Đóng gói: hộp 500g | | | | | | |
| 30 | Môi trường vận chuyển liên cầu B | T210758 | MELAB Amies Transport Medium | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Ống đũa nhựa kèm tăm bông vô trùng chứa 3ml môi trường thạch đứng được cải tiến để kéo dài thời gian vận chuyển các mẫu bệnh phẩm, đặc biệt là mẫu bệnh phẩm cho sàng lọc liên cầu B.<br>Thành phần: Charcoal | Túi | 2.000 | 3821 | 11.550 | 23.100.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | pharmaceutical, Sodium chloride, Sodium hydrogen phosphate, Potassium dihydrogen phosphate, Potassium chloride, Sodium thioglycollate, Calcium chloride, Magnesium chloride, Agar, pH 7.2 + 0.2 ở 25°C<br>Túi gồm: ống môi trường + tăm bông lấy mẫu vô trùng. | | | | | | |
| 31 | Môi trường BHI | M210-500G | BHI Broth | - | Ấn Độ | Himedia | Môi trường BHI được sử dụng để nhân giống cầu khuẩn gây bệnh khó tính và các sinh vật khác liên quan đến công việc cấy máu và điều tra bệnh lý liên quan.<br>Thành phần: HM infusion powder, BHI powder, Proteose peptone, Dextrose | Gam | 500 | 3821 | 3.100 | 1.550.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | (Glucose), Sodium chloride, Disodium hydrogen phosphate, pH 7.4±0.2 tại 25°C Bảo quản 10-30°C trong hộp kín và môi trường đã chuẩn bị ở 15-25°C. | | | | | | |
| 32 | Thẻ kháng sinh đồ Liên cầu | 421040 | VITEK® 2 AST-ST03 | - | Mỹ | BioMerieux Inc | Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus dùng với máy định danh và kháng sinh đồ tự động.<br>Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh | Thẻ | 500 | 3822 | 175.350 | 87.675.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 33 | Môi trường sinh màu dùng để phát hiện E. coli sinh độc tố Shiga-Toxin | P901542 | MELAB Chromogenic STEC Agar | - | Việt Nam | Công ty Cổ phần SEMIND | Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường sinh màu dùng để phát hiện E. coli sinh độc tố Shiga-Toxin. Đĩa 90mm.<br>Bao gói bằng | Đĩa | 350 | 3821 | 69.300 | 24.255.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptones and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Selective mix, Agar, pH 6.9 ± 0.2 ở 25°C. | | | | | | |
| 34 | Ống lưu giữ chủng | AEB400100 | CRYO-BEADS | - | Pháp | BioMerieux S.A | Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật. Mỗi ống chứa 25 hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dung dịch bảo quản lạnh ưu trương. Đạt tiêu chuẩn ISO | Ống | 64 | 3926 | 97.200 | 6.220.800 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 35 | Chủng chuẩn Enterobacter hormaechei | R4607094 | Enterobacter hormaechei ATCC 700323 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Enterobacter hormaechei ATCC 700323™ -Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả | Que | 5 | 3002 | 450.000 | 2.250.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 36 | Chủng chuẩn Stenotrophomonas maltophilia | R4607072 | Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định | Que | 5 | 3002 | 797.000 | 3.985.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 37 | Chủng chuẩn Enterococcus casseliflavus | R4607099 | Enterococcus casseliflavus ATCC 700327 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Enterococcus casseliflavus ATCC 700327™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi | Que | 5 | 3002 | 1.243.000 | 6.215.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 38 | Chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus | R4607029 | Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được | Que | 5 | 3002 | 816.000 | 4.080.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 39 | Chủng chuẩn Eikenella corrodens | R4601947 | Eikenella corrodens ATCC BAA-1152 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Eikenella corrodens ATCC BAA-1152™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi | Que | 5 | 3002 | 862.000 | 4.310.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 40 | Chủng chuẩn Candida albicans | R4601501 | Candida albicans ATCC 14053 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Candida albicans ATCC 14053™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt | Que | 5 | 3002 | 1.296.000 | 6.480.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 41 | Chủng chuẩn Bacteroides ovatus | R4609374 | Bacteroides ovatus ATCC BAA-1296 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Bacteroides ovatus ATCC BAA-1296™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch | Que | 5 | 3002 | 788.000 | 3.940.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 42 | Chủng chuẩn Clostridium septicum | R4601650 | Clostridium septicum ATCC 12464 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Clostridium septicum ATCC 12464™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần | Que | 5 | 3002 | 1.274.000 | 6.370.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 43 | Chủng chuẩn Escherichia coli | R4607050 | Escherichia coli ATCC 25922 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Que cấy chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2– | Que | 5 | 3002 | 550.000 | 2.750.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 44 | Chủng chuẩn Klebsiella pneumoniae | R4603074 | Klebsiella quasipneumoniae subsp. Pneumoniae ATCC 700603 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Klebsiella quasipneumoniae subsp. Pneumoniae ATCC 700603<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C | Que | 5 | 3002 | 774.000 | 3.870.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 45 | Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa | R4607060 | Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C | Que | 5 | 3002 | 447.000 | 2.235.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | | | | | | |
| 46 | Chủng chuẩn Escherichia coli | R4601971 | Escherichia coli ATCC 35218 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 35218™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | Que | 5 | 3002 | 440.000 | 2.200.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 47 | Chủng chuẩn Enterococcus faecalis | R4607030 | Enterococcus faecalis ATCC 29212™ | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC 29212™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | Que | 5 | 3002 | 550.000 | 2.750.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 48 | Chủng chuẩn Staphylococcus aureus | R4607011 | Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 29213 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 29213™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | Que | 5 | 3002 | 550.000 | 2.750.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

| STT | Tên hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá trúng thầu | Thành tiền | Tiến độ cung cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 49 | Chủng chuẩn Streptococcus Pneumoniae | R4609015 | Streptococcus pneumoniae ATCC 49619 | - | Mỹ | Remel Inc | Que cấy chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC 49619™<br>-Là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất. Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc<br>- Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ấm trong 10-15 giây. Không cần bù nước<br>- Bảo quản: 2–8°C<br>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 | Que | 5 | 3002 | 450.000 | 2.250.000 | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |